TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/LĐST
Ngày 04/9/2018
V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Huế

Nghề nghiệp: Cán bộ Liên đoàn lao động huyện Củ Chi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 và ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 05/2018/TLST-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2018/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 3 đường 558, tổ 8, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà L có mặt tại phiên tòa ngày 29/8/2018, có đơn xin vắng mặt ngày 04/9/2018.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH N.

Địa chỉ: Lô B2-9, Khu công Nghiệp T, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N - Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lục Thị C, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà làm việc tại Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) từ tháng 4/2015. Bà thôi việc vào ngày 26/02/2018. Tuy nhiên trong quá trình làm việc thì Công ty N đã không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017. Bà đã yêu cầu Công ty N giải quyết chế độ trên cho bà nhưng Công ty N không thực hiện. Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Công ty N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 12/2017, trả sổ bảo hiểm xã hội và chi trả trợ cấp thất nghiệp cho bà.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Hợp đồng lao động; Quyết định nghỉ việc; phiếu lương tháng 3, 4, 5, 7, 8, 10, 11, 12/2015, giấy xác nhận tham gia bảo hiểm xã hội.

- Tại phiên tòa ngày 29/8/2018 và tại phiên tòa ngày 04/9/2018, bà L trình bày:

Bà yêu cầu Công ty N đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 12/2015 đến đến tháng 12/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 12/2017 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà.

Bà yêu cầu Công ty N phải chi trả trợ cấp thất nghiệp cho bà với số tiền là 8.276.400đ (tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

- Bà Lục Thị C là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty N trình bày:

Bị đơn xác nhận bà Trần Thị L là người lao động của Công ty, nghỉ việc từ ngày 26/02/2018. Từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, Công ty N chưa nộp bảo hiểm xã hội cho bà L, lý do: Vì Công ty gặp nhiều khó khăn, tạm ngừng sản xuất từ tháng 01/2018 cho đến nay nên chưa thể đóng bảo hiểm xã hội cho bà L.

Tại phiên tòa, Công ty N chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng hiện đang gặp khó khăn nên Công ty chưa xác định được cụ thể thời gian để đóng bảo hiểm xã hội cho bà L. Số tiền bảo hiểm xã hội của bà L mà Công ty N chưa đóng là 33.516.230đ (ba mươi ba triệu năm trăm mười sáu nghìn hai trăm ba mươi đồng), trong đó tiền gốc là 27.533.460đ (hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 7/2018 là 5.982.770đ (năm triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng), đúng như bảng kê mà cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi đưa ra.

Còn về chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp, Công ty N xác nhận số tiền trợ cấp thất nghiệp đáng lý ra bà L được hưởng là 8.276.400đ (tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng). Công ty N đồng ý thanh toán cho bà L số tiền này nhưng hiện nay đang gặp khó khăn nên Công ty chưa xác định được cụ thể thời gian để đóng bảo hiểm xã hội cho bà L cũng như chi trả trợ cấp thất nghiệp cho bà L.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật tranh

chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty N phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà L với số tiền là là 33.516.230đ (ba mươi ba triệu năm trăm mười sáu nghìn hai trăm ba mươi đồng), trong đó tiền gốc là 27.533.460đ (hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 7/2018 là 5.982.770đ (năm triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng), đóng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; buộc Công ty N thanh toán tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà L là 8.276.400đ (tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội" được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở hoạt động tại xã Tân An Hội, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

[2] Về nội dung:

- Tại phiên tòa, bà L yêu cầu Công ty N (gọi tắt là Công ty Nam Phương) có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 12/2017, trả sổ bảo hiểm xã hội và thanh toán tiền trợ cấp thai sản cho bà.

Tại phiên tòa, phía bị đơn thống nhất số tiền bảo hiểm xã hội của bà L mà Công ty N chưa nộp là 33.516.230đ (ba mươi ba triệu năm trăm mười sáu nghìn hai trăm ba mươi đồng), trong đó tiền gốc là 27.533.460đ (hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 7/2018 là 5.982.770đ (năm triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng). Phía đại diện Công ty N cho rằng do hoàn cảnh Công ty hiện nay quá khó khăn nên chưa thể nộp số tiền trên vào quỹ bảo hiểm xã hội được. Công ty N thừa nhận chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L đến tháng 12/2017 và chưa trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L.

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động hàng tháng phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Việc Công ty N chậm nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động đã xâm phạm đến quyền lợi của người lao động và gây khó khăn cho việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ kết quả xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi và sự thừa nhận của phía bị đơn thì Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động mặc dù hàng tháng Công ty đã trích thu khoản tiền này của người lao động. Bắt đầu từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, Công ty N không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà L với số tiền là 33.516.230đ (ba mươi ba triệu năm trăm mười sáu nghìn hai trăm ba mươi

đồng), trong đó tiền gốc là 27.533.460đ (hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 7/2018 là 5.982.770đ (năm triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng). Do vậy, cần buộc Công ty N phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà L số tiền trên là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật. Đồng thời, buộc Công ty N phải chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 12/2017 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L, thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất số tiền trợ cấp thất nghiệp mà Công ty N phải thanh toán cho bà L là 8.276.400đ (tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) nên cần buộc Công ty N phải thanh toán cho ông Thành số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc Công ty N phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà L theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và L phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 213, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 15, Điều 22, Điều 47, Điều 200 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Điều 21, Điều 85, Điều 96 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Phí và L phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị L về việc yêu cầu Công ty N phải nộp bảo hiểm xã hội cho bà L từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017, chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 12/2017, trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L và thanh toán tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà L.

- Buộc Công ty N phải nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội số tiền nợ bảo hiểm xã hội của bà L từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017 với số tiền là 33.516.230đ (ba mươi ba triệu năm trăm mười sáu nghìn hai trăm ba mươi đồng), trong đó tiền gốc là 27.533.460đ (hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 7/2018 là 5.982.770đ (năm triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng); buộc Công ty N phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà L đến tháng 12/2017 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty N thanh toán tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà L với số tiền là 8.276.400đ (tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng), thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trợ cấp thất nghiệp mà Công ty N phải trả cho bà L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm buộc Công ty N phải nộp là 1.253.779đ (một triệu hai trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa (ngày 04/9/2018) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Hương